

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-CDKG ngày/...../2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kiên Giang)

Tên ngành, nghề: **Tài chính – Ngân hàng (Finance-Banking)**

Mã ngành, nghề: 6340202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng 9+

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS

Thời gian đào tạo: 4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học đạt trình độ cử nhân thực hành qua hai giai đoạn trung cấp và cao đẳng ngành Tài chính Ngân hàng đạt tiêu chuẩn bậc 5 của khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Người học sau khi tốt nghiệp đạt trình độ văn hóa tương đương trung học phổ thông; có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề phù hợp để thực hiện công việc nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực chuyên môn của ngành Tài chính Ngân hàng và một số lĩnh vực liên quan. Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp/ý thức xã hội tốt; hiểu biết cơ bản về chính trị, pháp luật và phương pháp rèn luyện sức khỏe; phát huy được các năng lực cá nhân trong quá trình làm việc sau này.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Đạt trình độ văn hóa tương đương trung học phổ thông hiện hành
- Trình bày được các nguyên lý tài chính, kế toán cơ bản.
- Giải thích được các bước trong các quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng như tư vấn tài chính, nhận và thanh toán tiền gửi – tiền vay, quy trình thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng.
- Phân biệt được các phương thức cấp tín dụng trong ngân hàng, các loại hình gửi tiền tại ngân hàng.
- Giải thích được quy trình kế toán tài chính, kế tiền tiền gửi – tín dụng và thanh toán.
- Phân tích được các phương pháp tiếp cận và giao dịch với khách hàng tại ngân hàng
- Mô tả được cách kê khai các loại thuế theo đúng quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
- Đạt trình độ tin học chuẩn kỹ năng CNTT cơ bản.
- Hoàn thiện được các kỹ năng mềm hỗ trợ cá nhân; phương pháp rèn luyện và giữ gìn sức khỏe.
- Thực hiện thành thạo các thao tác hạch toán kế toán, các bước trong quy trình giao dịch nghiệp vụ với khách hàng.

- Xác định và tính toán chính xác các loại thuế hiện hành mà đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính và lĩnh vực khác phải nộp cho Nhà nước.
- Lập được kế hoạch bán hàng trong tiếp thị sản phẩm ngân hàng cũng như tiếp thị sản phẩm tại các đơn vị tài chính khác.
- Xây dựng được kế hoạch tài chính ngắn hạn và phân tích được tình hình tài chính cơ bản của một doanh nghiệp.
- Thực hiện được đầy đủ hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng đảm bảo tài sản và tờ trình thẩm định tín dụng tại ngân hàng.
- Dự đoán được và có biện pháp khắc phục kịp thời các dạng sai sót thông thường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Phối hợp thực hiện truyền đạt thông tin, ý tưởng, giải pháp một cách hiệu quả đến nhóm làm việc trong lĩnh vực kế toán thông qua hoạt động thuyết trình hoặc sử dụng các phương tiện giao tiếp khác (điện thoại, email, Zalo, Facebook...).
- Giao tiếp tốt phù hợp với văn hoá ứng xử của đơn vị, tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm.

1.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Đảm bảo khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong thực tế công việc được giao; thích nghi tốt với môi trường làm việc.
- Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp phù hợp với vị trí việc làm.
- Thực hiện được các công việc hướng dẫn, giám sát đồng nghiệp/nhân viên thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao.
- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm đối với kết quả công việc được phân công; đánh giá được hiệu quả công việc được giao.
- Chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.
- Có khả năng nghiên cứu, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp, luôn có ý thức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao; có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực đáp ứng yêu cầu công việc tại các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, quỹ tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, chi cục thuế, hải quan thuộc các vị trí làm việc sau:

- Nhân viên tư vấn tài chính
- Giao dịch viên ngân hàng
- Tư vấn viên ngân hàng
- Nhân viên ngân quỹ
- Nhân viên tín dụng ngân hàng
- Nhân viên kế toán tiền gửi
- Nhân viên kế toán tiền vay
- Nhân viên thuế
- Nhân viên quan hệ khách hàng
- Nhân viên tài chính, kế toán doanh nghiệp
- Nhân viên kinh doanh
- Nhân viên chăm sóc khách hàng

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.890 giờ (84 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung: 465 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.335 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 542 Giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.137 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/TT /TN/ BT/TL	Kiểm tra (thi)
A	Giai đoạn 1: Chương trình trung cấp	52	1.020	392	553	75 (22)
I	Các môn học chung	24	465	167	273	25
MH01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất của môn học	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
MH07	Tiếng Anh2	3	60	21	36	3
MH08	Kỹ năng mềm	2	30	10	18	2
II	Các môn học/mô đun chuyên môn	28	555	225	280	50 (22)
II.1	Môn học/mô đun cơ sở	7	120	60	47	13(6)
MĐ09	Nguyên lý kế toán	3	60	30	25	5(2)
MH10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	30	15	11	4(2)
MH11	Marketing căn bản	2	30	15	11	4 (2)
II.2	Môn học/mô đun chuyên môn	19	390	150	207	33(14)
MH12	Pháp luật ngân hàng	2	30	15	11	4 (2)
MĐ13	Thuế nhà nước	2	45	15	26	4 (2)
MH14	Tài chính công	2	30	15	11	4 (2)
MĐ15	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	25	5 (2)
MĐ16	Kế toán tài chính	3	75	15	55	5 (2)
MĐ17	Kế toán ngân hàng 1	3	60	30	25	5 (2)
MĐ18	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	4	90	30	54	6 (2)
II.3	Môn học/mô đun tự chọn	2	45	15	26	4 (2)
MĐ19	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	45	15	26	4 (2)
MĐ20	Thanh toán quốc tế	2	45	15	26	4 (2)
MĐ21	Quản trị nhân sự	2	45	15	26	4 (2)
MĐ22	Khởi nghiệp	2	45	15	26	4 (2)
B	Giai đoạn 2: Chương trình liên thông	32	870	180	636	54 (22)
I	Các môn học/mô đun chuyên môn	32	870	180	636	54 (22)
I.1	Môn học/mô đun cơ sở	4	60	30	22	8(4)
MH23	Kinh tế vi mô	2	30	15	11	4 (2)
MH24	Thị trường tài chính	2	30	15	11	4 (2)
I.2	Môn học/mô đun chuyên môn	26	765	135	588	42 (16)
MĐ25	Thông kê doanh nghiệp	2	45	15	26	4 (2)

MĐ26	Nghệ vụ bảo hiểm	2	45	15	26	4 (2)
MĐ27	Kế toán ngân hàng 2	2	45	15	26	4 (2)
MĐ28	Nghệ vụ ngân hàng thương mại 2	4	90	30	54	6 (2)
MĐ29	Thẩm định tín dụng	2	45	15	26	4 (2)
MĐ30	Quản trị tài chính	2	45	15	26	4 (2)
MĐ31	Quản trị ngân hàng thương mại	2	45	15	26	4 (2)
MĐ32	Phân tích báo cáo tài chính	2	45	15	26	4 (2)
MĐ33	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135		132	3
MĐ34	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225		220	5
I.3	Môn học/mô đun tự chọn	2	45	15	26	4 (2)
MĐ35	Kế toán quản trị	2	45	15	26	4 (2)
MĐ36	Thị trường chứng khoán	2	45	15	26	4 (2)
MĐ37	Kế toán chi phí	2	45	15	26	4 (2)
MĐ38	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	26	4 (2)
Tổng cộng A+B:		84	1.890	572	1.189	129(44)

1. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Sử dụng chương trình các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – TB&XH ban hành để áp dụng giảng dạy.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian các hoạt động ngoại khóa:

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ Cao đẳng 9+ (áp dụng cho đối tượng tốt nghiệp THCS) được bố trí giảng dạy trong 4 năm (8 học kỳ, thời gian học mỗi học kỳ 15 tuần). Chương trình đào tạo cao đẳng 9+ sẽ được chia thành 2 giai đoạn để triển khai đào tạo:

- Giai đoạn 1: Bố trí giảng dạy chương trình trung cấp kết hợp với văn hóa thời gian đào tạo là 3 năm (6 học kỳ). Tổng chương trình trung cấp từ 57 tín chỉ; các môn học chung bố trí số tín chỉ theo chương trình cao đẳng 24 tín chỉ; các môn cơ sở, chuyên ngành bố trí từ 33 tín chỉ và không bố trí thực tập doanh nghiệp. Sau khi học sinh tích lũy đủ số tín chỉ của chương trình trung cấp (giai đoạn 1) nhà trường sẽ xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp.

- Giai đoạn 2: Sau khi học sinh hoàn thành chương trình văn hóa THPT và tốt nghiệp trình độ trung cấp. Nhà trường xét vào học giai đoạn 2 chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Tổng chương trình liên thông bố trí từ 23 tín chỉ. Chương trình bố trí học trong 2 học kỳ. Việc triển khai thực tập doanh nghiệp 1 và 2 được bố trí cùng một thời điểm. Các môn học/mô đun trong chương trình được phân bổ thời gian, trình tự đảm bảo sinh viên tích lũy và tăng dần trình độ kiến thức và kỹ năng theo từng học kỳ, năm học nhằm đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (8 bậc). Tùy theo tình hình thực tế Nhà trường, các hoạt động ngoại khóa được bố trí hợp lý trong từng học kỳ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình chi tiết.

4.4. Hướng dẫn thi và xét công nhận tốt nghiệp:

Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

- Giai đoạn 1: Người học sau khi học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp và đã tích lũy đủ số môn học, môn học theo quy định trong chương trình đào tạo thì nhà trường xét tốt nghiệp. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho người học.

- Giai đoạn 2: Người học sau khi học hết chương trình đào tạo liên thông và đã tích lũy đủ số môn học, môn học theo quy định trong chương trình đào tạo thì nhà trường xét tốt nghiệp. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng với danh hiệu cử nhân thực hành cho người học.

HIỆU TRƯỞNG